

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360220	Nguyễn Hồng Ái	11/05/2007	01DH15C1	8.0	9.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
2	1223360238	Nguyễn Quốc Bảo	24/02/2007	01DH15C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
3	1223360260	Phạm Kiều Diễm	07/06/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
4	1223360025	Nguyễn Thị Thuý Dương	05/11/2007	01DH15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
5	1223360159	Giang Lê Quốc Đại	27/12/2007	01DH15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
6	1223360188	Lê Đình Nam Hải	27/12/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
7	1223360272	Nguyễn Tuyết Hạnh	28/11/2006	01DH15C1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
8	1223360058	Trần Gia Hân	30/10/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
9	1223360026	Nguyễn Thị Ánh Hồng	30/07/2004	01DH15C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
10	1223360219	Nguyễn Phạm Xuân Huy	30/03/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
11	1223360292	Nguyễn Trần Gia Huy	01/12/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
12	1223360077	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/03/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
13	1223360278	Trần Tuấn Kiệt	06/09/2005	01DH15C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
14	1223360194	Phạm Anh	Khoa	07/02/2007	01DH15C1	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
15	1223360061	Lương Hoàng Anh	Khôi	07/11/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0		4.5		5.9	Đạt
16	1223360267	Hồ Kim	Liên	09/10/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
17	1223360037	Nguyễn Tấn	Lợi	21/12/2003	01DH15C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
18	1223360014	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	04/10/1999	01DH15C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
19	1223360147	Hồ Bảo	Nghi	15/02/2007	01DH15C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
20	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	04/08/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
21	1223360152	Hà Ngọc	Nhi	06/03/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
22	1223360274	Võ Thị Yến	Nhi	01/03/2007	01DH15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
23	1223240068	Lê Thụy Hồng	Nhung	11/02/2004	01DH15A1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
24	1223360153	Bùi Đình	Phi	07/10/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
25	1223360043	Trần Tuấn	Phong	04/07/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
26	1223360173	Lê Huy	Phong	10/05/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
27	1223360044	Trần Bảo	Quy	09/01/2007	01DH15C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
28	1223360233	Đỗ Trọng	Tín	12/11/2007	01DH15C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
29	1223360189	Lê Nguyễn Chí	Tình	02/09/2007	01DH15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
30	1223240049	Ngô Triều	Tông	11/12/2002	01DH15A1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
31	1223360215	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/01/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
32	1223360099	Phan Võ Quang	Thắng	01/09/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
33	1223360053	Phạm Huỳnh Phương	Thùy	12/02/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
34	1223360119	Đoàn Gia	Uy	16/08/2007	01DH15C1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
35	1223360253	Bùi Thị Thảo	Vy	19/07/2007	01DH15C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt
36	1223360222	Nguyễn Thị Như	Ý	11/03/2007	01DH15C1	7.0	7.0	7.0		4.5		5.5	Đạt
37	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02DH15C1	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
38	2223360213	Nguyễn Tấn	Bình	30/10/2006	02DH15C1	9.0	6.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
39	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
40	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02DH15A1	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
41	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	20/10/2007	02DH15C1	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
42	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
43	2223360176	Huỳnh Ngọc	Đạt	23/05/2007	02DH15C1	6.0	5.0	5.3		6.5		6.0	Đạt
44	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02DH15C1	7.0	8.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
45	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	9.0	6.0	7.0		6.5		6.7	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
46	2223360185	Vũ Huy	Hoàng	14/04/2006	02DH15C1	9.0	8.0	8.3		6.5		7.2	Đạt
47	2223360088	Bùi Gia	Huy	22/04/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
48	2223360215	Đỗ Phước	Hung	07/02/2004	02DH15C1	6.0	0.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại
49	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02DH15C1	9.0	5.0	6.3		5.5		5.8	Đạt
50	2223240293		Khah	01/12/2004	02DH15A1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
51	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
52	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
53	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
54	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
55	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	6.0	7.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
56	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyên	17/10/2000	02DH15A1	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
57	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	9.0	5.0	6.3		7.5		7.0	Đạt
58	2223360182	Lê Ngọc Yến	Nhi	11/09/2007	02DH15C1	9.0	5.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
59	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhật	29/12/2006	02DH15C1	6.0	5.0	5.3		7.0		6.3	Đạt
60	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02DH15C1	6.0	5.0	5.3		6.5		6.0	Đạt
61	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	9.0	5.0	6.3		6.5		6.4	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
62	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		6.5		7.0	Đạt
63	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Son	08/06/2007	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
64	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
65	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
66	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	8.0	9.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
67	2223180003	Trần Quang	Tuyển	31/01/1990	02DH15A1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
68	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02DH15C1	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
69	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	09/11/2007	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
70	2223360195	Bùi Lê Ngọc	Trâm	02/05/2007	02DH15C1	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
71	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02DH15C1	7.0	5.0	5.7		6.5		6.2	Đạt
72	2223360408	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
73	2223360430	Nguyễn Kỳ	Anh	15/07/2007	02DH15C2	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại
74	2223360270	Đặng Hồng	Ánh	30/11/2007	02DH15C2	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại
75	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
76	2223360433	Lê Hoàng Ánh	Dương	13/10/2007	02DH15C2	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại
77	2223360371	Huỳnh Chí	Đạt	24/02/2007	02DH15C2	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
78	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật	Đông	10/01/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
79	2223360432	Nhữ Bảo	Hân	14/10/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
80	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh	Hiệp	23/09/2007	02DH15C2	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
81	2223360322	Ngô Minh	Hoàng	13/07/2007	02DH15C2	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại
82	2223360399	Lê Thị Xuân	Hương	23/09/2007	02DH15C2	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
83	2223360367	Đỗ Trịnh Chí	Khang	07/05/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
84	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
85	2223360353	Mai Kha	Long	05/09/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
86	2223360412	Nguyễn Quang	Lộc	06/08/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
87	2223360259	Nguyễn Vũ Thiên	Minh	11/05/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
88	2223360444	Nguyễn Nhật Hoàng	My	14/06/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
89	2223360406	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	11/08/2007	02DH15C2	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại
90	2223360348	Trần Nguyễn Hòa	Nhã	22/11/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
91	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02DH15C2	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại
92	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/10/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
93	2223360346	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/12/2007	02DH15C2	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
94	2223360305	Vũ Đình	Phong	25/12/2007	02DH15C2	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
95	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	21/01/2007	02DH15C2	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại
96	2223360326	Huỳnh Thị Minh	Phuong	31/12/2006	02DH15C2	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
97	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
98	2223360277	Nguyễn Tấn	Tài	27/10/2007	02DH15C2	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại
99	2223360379	Lê Trúc	Tiên	24/03/2007	02DH15C2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
100	2223360349	Nguyễn Tấn	Thuận	24/11/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
101	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02DH15C2	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
102	2223360380	Ngô Thanh	Vân	18/07/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
103	2223360364	Lưu Tuấn	Việt	31/10/2007	02DH15C2	6.0	5.0	5.3				2.1	Thi lại
104	2223360388	Lê Xuân	Vinh	10/09/2007	02DH15C2	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại
105	2223360378	Đỗ Hoàng Thuý	Vy	21/02/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
106	2223360474	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/10/2007	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		5.5		6.1	Đạt
107	2223360525	Nguyễn Đức	Anh	26/02/2006	02DH15C3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
108	2223360565	Phạm Mai	Anh	10/10/2006	02DH15C3	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
109	2223360597	Bùi Duy	Anh	19/10/2006	02DH15C3	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
110	2223360583	Kim Duy	Bảo	04/04/2007	02DH15C3	9.0	5.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
111	2223360479	Nguyễn Đăng Bảo	Huy	21/05/2007	02DH15C3	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
112	2223360459	Trần Trọng	Khang	10/03/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
113	2223360469	Hà Nguyễn Quyền	Khanh	13/11/2007	02DH15C3	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
114	2223360504	Nguyễn Minh	Khôi	24/06/2006	02DH15C3	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
115	2223360285	Nguyễn Hữu	Lộc	03/12/2007	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
116	2223360564	Huỳnh Tuấn	Lộc	20/12/2005	02DH15C3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
117	2223180078	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	15/08/1991	02DH15A3			0.0	TBKT			0.0	Học lại
118	2223240248	Võ Kim	Ngọc	01/06/2004	02DH15A3	8.0	5.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
119	2223240297	Phạm Khánh	Nhật	26/08/2004	02DH15A3	7.0	9.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
120	2223360462	Vũ Đức	Phúc	19/02/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
121	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	Phuong	05/09/2007	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
122	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02DH15C3	9.0	5.0	6.3		5.5		5.8	Đạt
123	2223240176	Thống Quý	Quyền	25/10/2004	02DH15A3	8.0	9.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
124	2223360512	Phạm Thanh	Sang	25/12/2006	02DH15C3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
125	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		7.0		7.0	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
126	2223360548	Phạm Lê Minh	Tú	19/09/2006	02DH15C3	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
127	2223360331	Trần Bảo	Trâm	23/09/2007	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
128	2223240170	Hồ Hoàng Bảo	Trân	28/07/2000	02DH15A3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
129	2223360491	Lê Nguyễn Bảo	Trân	11/05/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
130	2223240214	Trương Hồ Minh	Trí	10/06/2003	02DH15A3	7.0	9.0	8.3		6.5		7.2	Đạt
131	2223360463	Lê Ngọc Phương	Vi	21/09/2007	02DH15C3	8.0	5.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
132	2223360421	Lê Văn	Việt	10/07/2007	02DH15C3	9.0	5.0	6.3		6.5		6.4	Đạt
133	2223360575	Trần Quang	Vinh	04/04/2007	02DH15C3	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
134	2223360002	Võ Duy	Anh	06/10/2000	02DH15D1	7.0	6.0	6.3		4.2		5.1	Đạt
135	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	7.0	0.0	2.3	TBKT			0.9	Học lại
136	2223360070	Mai Nguyễn Trúc	Linh	15/01/1999	02DH15D1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
137	2223240160	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21/10/2002	02DH15B1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
138	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	8.0	7.0	7.3		7.8		7.6	Đạt
139	2223360486	Hồ Văn	Ngọc	10/03/2003	02DH15D1	7.0	6.0	6.3		5.4		5.8	Đạt
140	2223180089	Nguyễn Phúc	Nguyên	14/12/1996	02DH15B1	8.0	8.0	8.0		8.6		8.4	Đạt
141	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phuong	22/9/2006	02DH15D1	7.0	6.0	6.3		7.8		7.2	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
142	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02DH15B1	7.0	7.0	7.0		8.4		7.8	Đạt
143	2223240278	Nguyễn Minh	Toại	25/12/1994	02DH15B1	8.0	8.0	8.0		9.8		9.1	Đạt
144	2223240187	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	19/01/2001	02DH15B1	8.0	9.0	8.7		9.8		9.3	Đạt
145	1223360256	Lê Thanh	Tuấn	06/04/2000	02DH15D1	8.0	8.0	8.0		9.2		8.7	Đạt
146	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	7.0	7.0	7.0		7.4		7.2	Đạt
147	2223360488	Lê Phước	Thiện	21/01/2003	02DH15D1	7.0	9.0	8.3		9.6		9.1	Đạt
148	2223240010	Nguyễn Hoàng	Trí	19/06/1999	02DH15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
149	2223240277	Đặng Quang	Ủy	01/05/2003	02DH15B1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
150	2223360181	Lê Thị Trường	Vang	13/12/1989	02DH15D1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
151	2223240088	Đào Lan	Vi	01/04/1995	02DH15B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
37	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương Anh	28/01/2004	02DH15C1	5.0	6.0	5.7			9.0		7.7	Đạt
38	2223360213	Nguyễn Tấn Bình	30/10/2006	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT				0.0	Học lại
39	2223360086	Lê Chí Cường	21/03/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT				0.0	Học lại
40	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo Châu	02/07/2003	02DH15A1	8.5	9.0	8.8			5.0		6.5	Đạt
41	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/10/2007	02DH15C1	7.0	5.0	5.7			7.0		6.5	Đạt
42	2223360029	Ninh Thị Dịu	20/04/1992	02DH15C1	5.0	7.0	6.3			4.5		5.2	Đạt
43	2223360176	Huỳnh Ngọc Đạt	23/05/2007	02DH15C1	5.0	0.0	1.7	TBKT				0.7	Học lại
44	2223360184	Trần Khang Hào	05/04/2006	02DH15C1	5.0	5.0	5.0			4.0		4.4	Đạt
45	2223360150	Phạm Đức Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	8.0	9.0	8.7			7.5		8.0	Đạt
46	2223360185	Vũ Huy Hoàng	14/04/2006	02DH15C1	5.0	5.0	5.0			2.0		3.2	Thi lại
47	2223360088	Bùi Gia Huy	22/04/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT				0.0	Học lại
48	2223360215	Đỗ Phước Hưng	07/02/2004	02DH15C1	4.0	1.5	2.3	TBKT				0.9	Học lại
49	2223360193	Trần Thái Kim	26/10/2007	02DH15C1	5.0	5.0	5.0			3.0		3.8	Thi lại
50	2223240293	Khah	01/12/2004	02DH15A1	6.5	7.0	6.8			3.5		4.8	Đạt

MÔN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
51	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	7.5	6.0	6.5		9.0		8.0	Đạt
52	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	6.5	7.0	6.8		8.0		7.5	Đạt
53	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	5.0	6.5	6.0		5.0		5.4	Đạt
54	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	6.5	5.0	5.5		7.0		6.4	Đạt
55	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	7.0	5.5	6.0		5.0		5.4	Đạt
56	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyễn	17/10/2000	02DH15A1	6.5	6.0	6.2		8.5		7.6	Đạt
57	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	5.0	7.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
58	2223360182	Lê Ngọc Yến	Nhi	11/09/2007	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		2.5		3.5	Thi lại
59	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhật	29/12/2006	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
60	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02DH15C1	0.0	4.0	2.7	TBKT			1.1	Học lại
61	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	5.0	7.0	6.3		5.5		5.8	Đạt
62	2223360074	Phan Nhật	Son	18/11/2002	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
63	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Son	08/06/2007	02DH15C1	0.0	6.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
64	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	9.0	7.5	8.0		9.5		8.9	Đạt
65	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	7.0	7.5	7.3				2.9	Thi lại
66	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt

MÔN: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
67	2223180003	Trần Quang Tuyến	31/01/1990	02DH15A1	10.0	10.0	10.0		10.0		10.0	Đạt
68	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn Thành	05/03/2003	02DH15C1	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
69	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	09/11/2007	02DH15C1	0.0	5.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
70	2223360195	Bùi Lê Ngọc Trâm	02/05/2007	02DH15C1	4.0	3.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
71	2223360089	Vũ Hoàng Thiên Trí	20/07/2003	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		2.5		3.5	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: XỬ LÝ ẢNH PHOTOSHOP CƠ BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
134	2223360002	Võ Duy	Anh	06/10/2000	02DH15D1	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
135	1223240035	Phan Trường	Lam	02/08/1999	02DH15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
136	2223360070	Mai Nguyễn Trúc	Linh	15/01/1999	02DH15D1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
137	2223240160	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	21/10/2002	02DH15B1	9.0	8.3	8.5		8.5		8.5	Đạt
138	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02DH15B1	9.0	7.5	8.0		8.5		8.3	Đạt
139	2223360486	Hồ Văn	Ngọc	10/03/2003	02DH15D1	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
140	2223180089	Nguyễn Phúc	Nguyên	14/12/1996	02DH15B1	7.5	8.5	8.2		7.5		7.8	Đạt
141	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phuong	22/9/2006	02DH15D1	5.0	7.3	6.5		7.0		6.8	Đạt
142	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02DH15B1	8.0	7.8	7.8				3.1	Thi lại
143	2223240278	Nguyễn Minh	Toại	25/12/1994	02DH15B1	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
144	2223240187	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	19/01/2001	02DH15B1	8.0	8.3	8.2		9.0		8.7	Đạt
145	1223360256	Lê Thanh	Tuấn	06/04/2000	02DH15D1	9.0	8.8	8.8		9.0		8.9	Đạt
146	2223240062	Phan Duy	Thiên	17/03/1998	02DH15B1	8.0	6.8	7.2		8.0		7.7	Đạt
147	2223360488	Lê Phước	Thiện	21/01/2003	02DH15D1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt

MÔN: XỬ LÝ ẢNH PHOTOSHOP CƠ BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
148	2223240010	Nguyễn Hoàng Trí	19/06/1999	02DH15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
149	2223240277	Đặng Quang Ủy	01/05/2003	02DH15B1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
150	2223360181	Lê Thị Trường Vang	13/12/1989	02DH15D1	9.0	7.8	8.2		8.5		8.4	Đạt
151	2223240088	Đào Lan Vi	01/04/1995	02DH15B1	8.5	6.5	7.2		7.0		7.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
37	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02DH15C1	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
38	2223360213	Nguyễn Tấn	Bình	30/10/2006	02DH15C1	6.0	2.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
39	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
40	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	02/07/2003	02DH15A1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
41	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	20/10/2007	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
42	2223360029	Ninh Thị	Dịu	20/04/1992	02DH15C1	7.0	7.0	7.0		6.5		6.7	Đạt
43	2223360176	Huỳnh Ngọc	Đạt	23/05/2007	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
44	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02DH15C1	8.0	2.0	4.0	TBKT			1.6	Học lại
45	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02DH15C1	7.5	5.0	5.8		5.0		5.3	Đạt
46	2223360185	Vũ Huy	Hoàng	14/04/2006	02DH15C1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
47	2223360088	Bùi Gia	Huy	22/04/2003	02DH15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
48	2223360215	Đỗ Phước	Hưng	07/02/2004	02DH15C1	2.0	0.0	0.7	TBKT			0.3	Học lại
49	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02DH15C1	6.5	2.5	3.8	TBKT			1.5	Học lại
50	2223240293		Khah	01/12/2004	02DH15A1	4.5	6.0	5.5		5.0		5.2	Đạt

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
51	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02DH15C1	8.0	9.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
52	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02DH15C1	9.0	6.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
53	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		5.5		5.3	Đạt
54	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02DH15C1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
55	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02DH15C1	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
56	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh	Nguyễn	17/10/2000	02DH15A1	9.0	5.0	6.3		9.0		7.9	Đạt
57	2223360042	Đặng Xuân	Nhật	10/11/2001	02DH15C1	5.5	8.5	7.5		6.5		6.9	Đạt
58	2223360182	Lê Ngọc Yến	Nhi	11/09/2007	02DH15C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
59	2223360023	Phạm Nguyễn Minh	Nhật	29/12/2006	02DH15C1	6.5	8.5	7.8		6.0		6.7	Đạt
60	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02DH15C1	6.0	2.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
61	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02DH15C1	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
62	2223360074	Phan Nhật	Sơn	18/11/2002	02DH15C1	4.0	3.0	3.3	TBKT			1.3	Học lại
63	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Sơn	08/06/2007	02DH15C1	5.0	9.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
64	2223360055	Trương Tấn	Tài	29/01/2003	02DH15C1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
65	2223360062	Nguyễn Đức	Tài	12/12/2002	02DH15C1	4.5	6.0	5.5				2.2	Thi lại
66	2223240009	Trần Anh	Tuấn	19/11/1996	02DH15A1	7.0	9.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
67	2223180003	Trần Quang	Tuyến	31/01/1990	02DH15A1	10.0	9.5	9.7		8.0		8.7	Đạt

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
68	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02DH15C1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
69	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	09/11/2007	02DH15C1	6.5	5.5	5.8		6.0		5.9	Đạt
70	2223360195	Bùi Lê Ngọc	Trâm	02/05/2007	02DH15C1	6.0	8.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
71	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02DH15C1	8.0	8.5	8.3		6.5		7.2	Đạt
72	2223360408	Vũ Hải	Anh	25/08/2007	02DH15C2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
73	2223360430	Nguyễn Kỳ	Anh	15/07/2007	02DH15C2	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
74	2223360270	Đặng Hồng	Ánh	30/11/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
75	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02DH15C2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
76	2223360433	Lê Hoàng Ánh	Dương	13/10/2007	02DH15C2	8.0	6.0	6.7		3.0		4.5	Đạt
77	2223360371	Huỳnh Chí	Đạt	24/02/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
78	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật	Đông	10/01/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
79	2223360432	Nhữ Bảo	Hân	14/10/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
80	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh	Hiệp	23/09/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		2.0		4.1	Đạt
81	2223360322	Ngô Minh	Hoàng	13/07/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
82	2223360399	Lê Thị Xuân	Hương	23/09/2007	02DH15C2	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
83	2223360367	Đỗ Trịnh Chí	Khang	07/05/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
84	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
85	2223360353	Mai Kha	Long	05/09/2007	02DH15C2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
86	2223360412	Nguyễn Quang	Lộc	06/08/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
87	2223360259	Nguyễn Vũ Thiên	Minh	11/05/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
88	2223360444	Nguyễn Nhật Hoàng	My	14/06/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
89	2223360406	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	11/08/2007	02DH15C2	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
90	2223360348	Trần Nguyễn Hòa	Nhã	22/11/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
91	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		3.0		4.9	Đạt
92	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/10/2007	02DH15C2	9.0	8.0	8.3		4.0		5.7	Đạt
93	2223360346	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/12/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
94	2223360305	Vũ Đình	Phong	25/12/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
95	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	21/01/2007	02DH15C2	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
96	2223360326	Huỳnh Thị Minh	Phương	31/12/2006	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
97	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
98	2223360277	Nguyễn Tấn	Tài	27/10/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
99	2223360379	Lê Trúc	Tiên	24/03/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
100	2223360349	Nguyễn Tấn	Thuận	24/11/2007	02DH15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
101	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		5.0		5.9	Đạt

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
102	2223360380	Ngô Thanh Vân	18/07/2007	02DH15C2	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
103	2223360364	Lưu Tuấn Việt	31/10/2007	02DH15C2	7.0	8.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
104	2223360388	Lê Xuân Vinh	10/09/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
105	2223360378	Đỗ Hoàng Thuý Vy	21/02/2007	02DH15C2	9.0	7.0	7.7		4.0		5.5	Đạt
106	2223360474	Nguyễn Thị Phương Anh	08/10/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
107	2223360525	Nguyễn Đức Anh	26/02/2006	02DH15C3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
108	2223360565	Phạm Mai Anh	10/10/2006	02DH15C3	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
109	2223360597	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02DH15C3	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
110	2223360583	Kim Duy Bảo	04/04/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
111	2223360479	Nguyễn Đăng Bảo Huy	21/05/2007	02DH15C3	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
112	2223360459	Trần Trọng Khang	10/03/2007	02DH15C3	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
113	2223360469	Hà Nguyễn Quyền Khanh	13/11/2007	02DH15C3	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
114	2223360504	Nguyễn Minh Khôi	24/06/2006	02DH15C3	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
115	2223360285	Nguyễn Hữu Lộc	03/12/2007	02DH15C3	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
116	2223360564	Huỳnh Tuấn Lộc	20/12/2005	02DH15C3			0.0	TBKT			0.0	Học lại
117	2223180078	Nguyễn Thị Kiều Ngân	15/08/1991	02DH15A3			0.0	TBKT			0.0	Học lại
118	2223240248	Võ Kim Ngọc	01/06/2004	02DH15A3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt

MÔN: TẠO BẢN VẼ KỸ THUẬT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
119	2223240297	Phạm Khánh Nhật	26/08/2004	02DH15A3	7.0	6.0	6.3		4.0		4.9	Đạt
120	2223360462	Vũ Đức Phúc	19/02/2007	02DH15C3	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
121	2223360475	Nguyễn Phùng Mỹ	05/09/2007	02DH15C3	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
122	2223360496	Nguyễn Chí Quang	03/11/2007	02DH15C3	5.0	5.0	5.0		4.0		4.4	Đạt
123	2223240176	Thống Quý Quyền	25/10/2004	02DH15A3	9.0	9.0	9.0		10.0		9.6	Đạt
124	2223360512	Phạm Thanh Sang	25/12/2006	02DH15C3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
125	2223360252	Cao Thanh Tú	07/05/2006	02DH15C3	6.0	6.0	6.0		4.0		4.8	Đạt
126	2223360548	Phạm Lê Minh Tú	19/09/2006	02DH15C3	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8	Thi lại
127	2223360331	Trần Bảo Trâm	23/09/2007	02DH15C3	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
128	2223240170	Hồ Hoàng Bảo Trân	28/07/2000	02DH15A3	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
129	2223360491	Lê Nguyễn Bảo Trân	11/05/2007	02DH15C3	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
130	2223240214	Trương Hồ Minh Trí	10/06/2003	02DH15A3	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
131	2223360463	Lê Ngọc Phương Vi	21/09/2007	02DH15C3	8.0	5.0	6.0		3.0		4.2	Đạt
132	2223360421	Lê Văn Việt	10/07/2007	02DH15C3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
133	2223360575	Trần Quang Vinh	04/04/2007	02DH15C3	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt